

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI KINH DOANH VÀ DỊCH VỤ MINH CHÂU**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI KINH DOANH VÀ DỊCH VỤ MINH CHÂU

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: MINH CHAU SERVICES AND BUSINESS TRADING JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109654258

**3. Ngày thành lập:** 01/06/2021

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Ô đất số 30, Lô đất số 6-3 Khu tái định cư 3.6ha, Phường Phương Canh, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0987994019

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                               | Mã ngành |
|-----|---------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Trồng lúa                                               | 0111     |
| 2.  | Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác                 | 0112     |
| 3.  | Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa                    | 0118     |
| 4.  | Hoạt động dịch vụ trồng trọt                            | 0161     |
| 5.  | Hoạt động dịch vụ chăn nuôi                             | 0162     |
| 6.  | Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch                         | 0163     |
| 7.  | Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt         | 1010     |
| 8.  | Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản | 1020     |
| 9.  | Chế biến và bảo quản rau quả                            | 1030     |
| 10. | Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật                         | 1040     |
| 11. | Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa                     | 1050     |
| 12. | Xay xát và sản xuất bột thô                             | 1061     |
| 13. | Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột           | 1062     |
| 14. | Sản xuất các loại bánh từ bột                           | 1071     |
| 15. | Sản xuất đường                                          | 1072     |
| 16. | Sản xuất ca cao, sôcôla và bánh kẹo                     | 1073     |
| 17. | Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn                   | 1075     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                  |             |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 18. | Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Sản xuất gia vị, nước chấm, nước sốt như sốt madonnê, bột mù tạt và mù tạt;<br>- Sản xuất mật ong nhân tạo và kẹo;<br>- Sản xuất thực phẩm chế biến sẵn dễ hỏng như: Bánh sandwich, bánh pizza tươi.            | 1079        |
| 19. | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết:<br>- Đại lý bán hàng hóa<br>- Môi giới mua bán hàng hóa                                                                                                                                                                          | 4610        |
| 20. | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống<br>(Trừ loại nhà nước cấm)                                                                                                                                                                                | 4620        |
| 21. | Bán buôn gạo, lúa mì, hạt ngũ cốc khác, bột mì                                                                                                                                                                                                                                   | 4631        |
| 22. | Bán buôn thực phẩm<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn thịt và các sản phẩm từ thịt, thủy sản, rau quả, cà phê, chè, đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột...                                                                       | 4632(Chính) |
| 23. | Bán buôn đồ uống<br>(Trừ đồ uống có cồn)                                                                                                                                                                                                                                         | 4633        |
| 24. | Bán buôn tổng hợp<br>(trừ các loại Nhà nước cấm)                                                                                                                                                                                                                                 | 4690        |
| 25. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp                                                                                                                                                             | 4711        |
| 26. | Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                | 4721        |
| 27. | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                 | 4722        |
| 28. | Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                   | 4723        |
| 29. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ                                                                                                                                                                                                 | 4781        |
| 30. | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày<br>Chi tiết:<br>- Hoạt động của các cơ sở lưu trú như: khách sạn; biệt thự du lịch (resort); phòng hoặc căn hộ khách sạn; nhà khách, nhà nghỉ; nhà trọ, phòng trọ; chỗ nghỉ trọ trên xe lưu động; làng sinh viên, ký túc xá sinh viên; nhà điều dưỡng. | 5510        |
| 31. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động<br>(Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường)                                                                                                                                                            | 5610        |
| 32. | Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng                                                                                                                                                                                                         | 5621        |
| 33. | Dịch vụ ăn uống khác<br>( Trừ cung cấp suất ăn cho các hãng hàng không)                                                                                                                                                                                                          | 5629        |

|     |                                                                                              |      |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 34. | Dịch vụ phục vụ đồ uống<br>(không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường) | 5630 |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------|------|

**6. Vốn điều lệ:** 1.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:** 100.000

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông         | Địa chỉ liên lạc<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức | Loại cổ<br>phần                    | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ) | Tỷ lệ<br>(%) | Số giấy<br>CMND<br>(hoặc số<br>chứng thực<br>cá nhân<br>khác); Mã<br>số doanh<br>nghiệp; Số<br>quyết định<br>thành lập | Ghi<br>chú |
|-----|---------------------|------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|---------------|--------------------------|--------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 1   | NGUYỄN<br>XUÂN VỌNG | Thôn Phù Lưu,<br>Xã Yên Thắng,<br>Huyện ý Yên,<br>Tỉnh Nam Định,<br>Việt Nam       | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 34.000        | 340.000.000              | 34,000       | B5555123                                                                                                               |            |
|     |                     |                                                                                    | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                     |                                                                                    | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                     |                                                                                    | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                     |                                                                                    | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                     |                                                                                    | Tổng số                            | 34.000        | 340.000.000              | 34,000       |                                                                                                                        |            |

|   |                 |                                                                                                                |                           |        |             |        |              |
|---|-----------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|--------|-------------|--------|--------------|
| 2 | NGUYỄN VĂN XUÂN | Thôn Phù Lưu, Xã Yên Thắng, Huyện ý Yên, Tỉnh Nam Định, Việt Nam                                               | Cổ phần phổ thông         | 30.000 | 300.000.000 | 30,000 | 036089005090 |
|   |                 |                                                                                                                | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |                 |                                                                                                                | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |                 |                                                                                                                | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |                 |                                                                                                                | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |                 |                                                                                                                | Tổng số                   | 30.000 | 300.000.000 | 30,000 |              |
|   |                 |                                                                                                                |                           |        |             |        |              |
| 3 | LẠI THỊ LAN     | CH1901, Chung cư Viện 103 Học viện quân y Tân Triều, Xã Tân Triều, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 36.000 | 360.000.000 | 36,000 | 036184007561 |
|   |                 |                                                                                                                | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |                 |                                                                                                                | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |                 |                                                                                                                | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |                 |                                                                                                                | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |                 |                                                                                                                | Tổng số                   | 36.000 | 360.000.000 | 36,000 |              |
|   |                 |                                                                                                                |                           |        |             |        |              |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN VĂN XUÂN

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 26/01/1989

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 036089005090

Ngày cấp: 28/07/2017

Nơi cấp: Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Địa chỉ thường trú: Thôn Phù Lưu, Xã Yên Thắng, Huyện ý Yên, Tỉnh Nam Định, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số 33/61/180 Đường Tây Mỗ, Phường Tây Mỗ, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội